CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tổng Công ty Tín Nghĩa

Ngày 31/12/2025	23,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.1%	**-3.8%**	**2.4%**

DT thuần
Q4/25
2,783
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 22.0| 0.8%
YoY: ▼860| -23.6%

LN thuần
Q4/25
198
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.00| -0.4%
YoY: ▼9.00| -4.3%

LN sau thuế
Q4/25
1.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▼157| -98.9%
YoY: ▼201| -99.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
9.1%
YoY: +/-▲ 3.5%

ROE
2025
14.3%
YoY: +/-▲ 6.8%

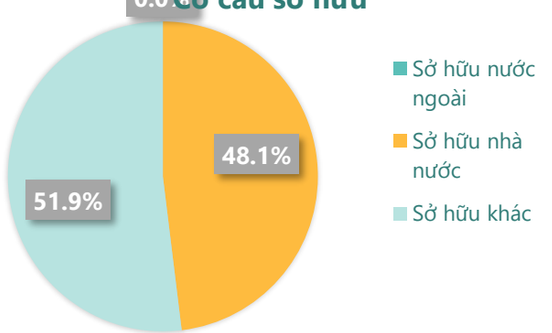
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	19,866 - 28,023
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,620
Số lượng CPLH (CP)	200,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,915
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.84
EPS	3,181
P/E	7.3

DT thuần
2025
13,385
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,651| 14.1%

LN thuần
2025
1,334
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 811| 155%

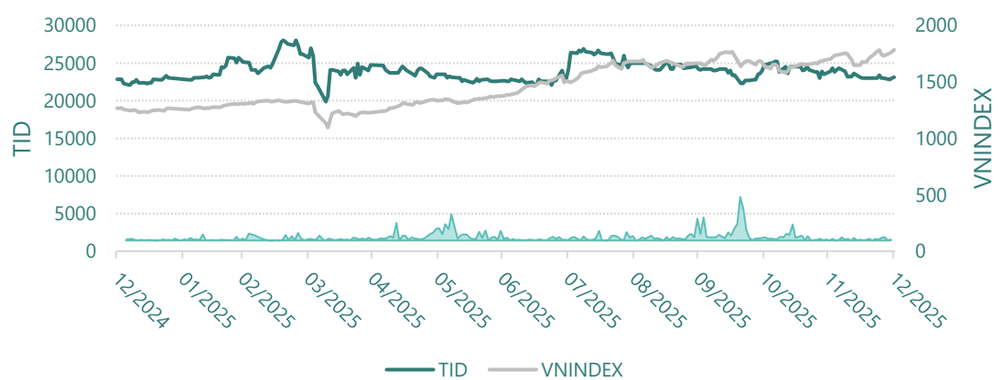
LN sau thuế
2025
762
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 337| 79.5%

Cơ cấu sở hữu

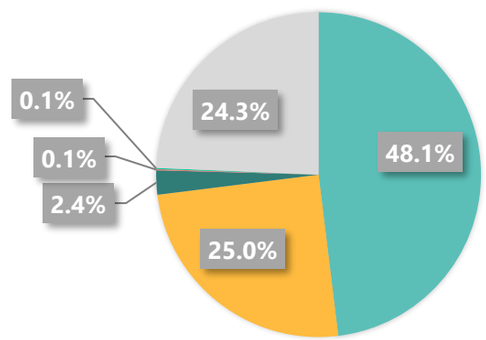


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

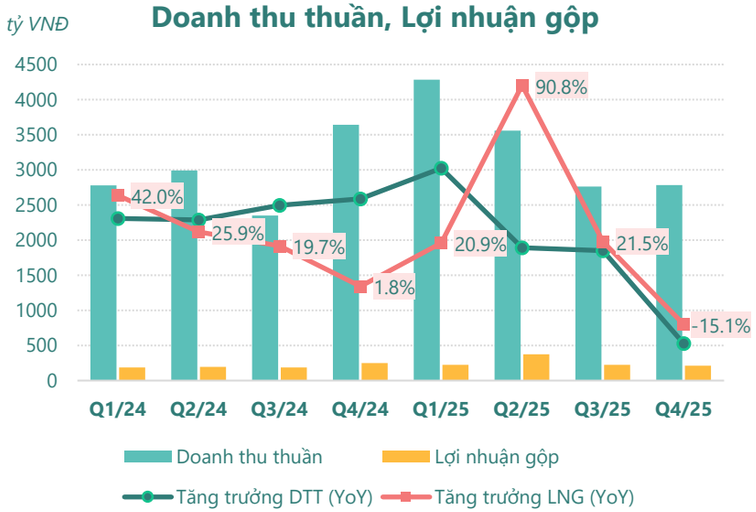


- UBND Tỉnh Đồng Nai
- CTCP Đầu Tư Xây Dựng Và Vật Liệu Xây Dựng Sài Gòn
- Quách Văn Đức
- Huỳnh Bích Ngọc
- Thái Văn Chuyện
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

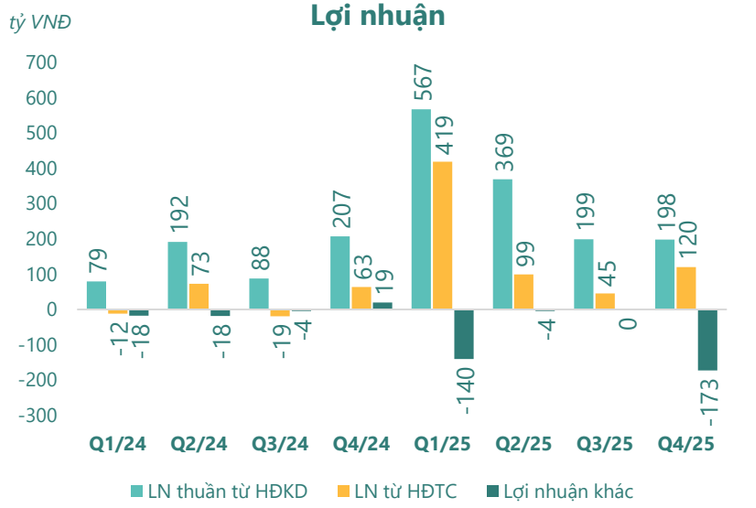
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



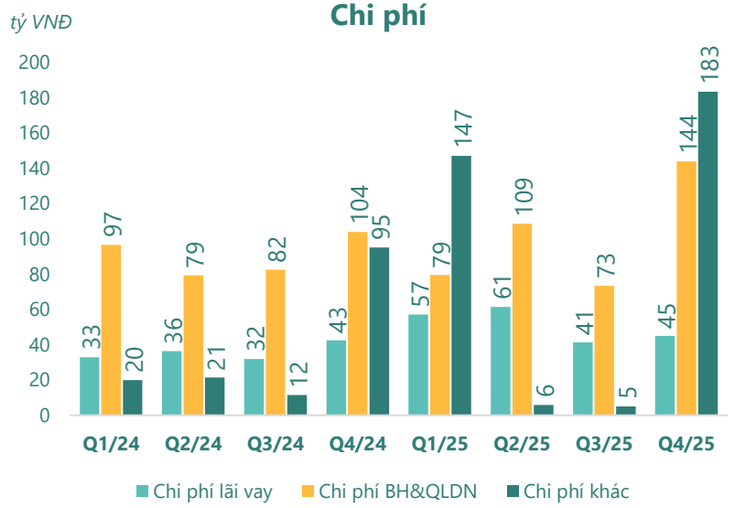
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



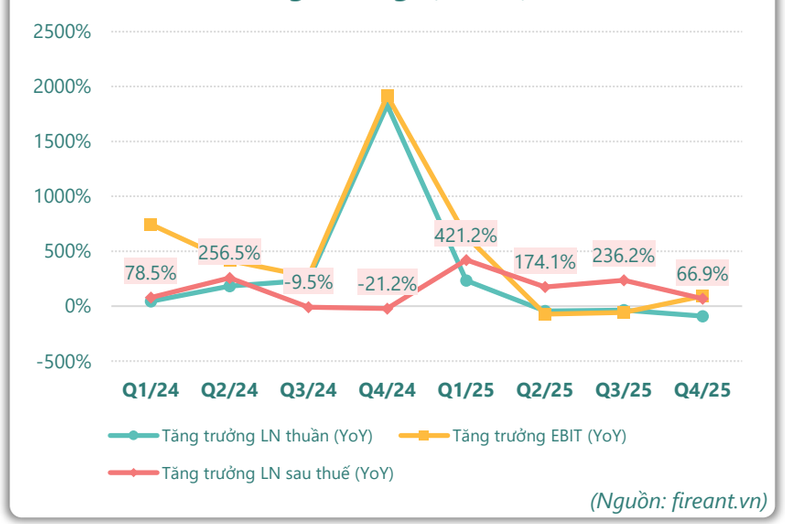
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



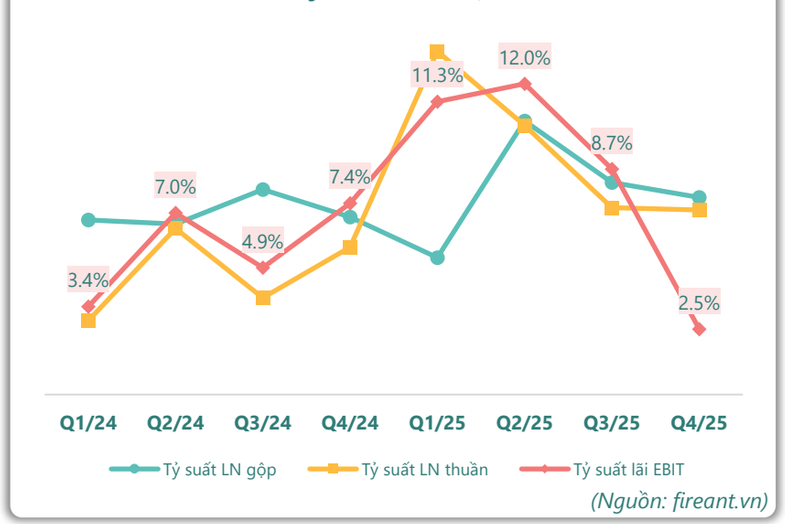
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



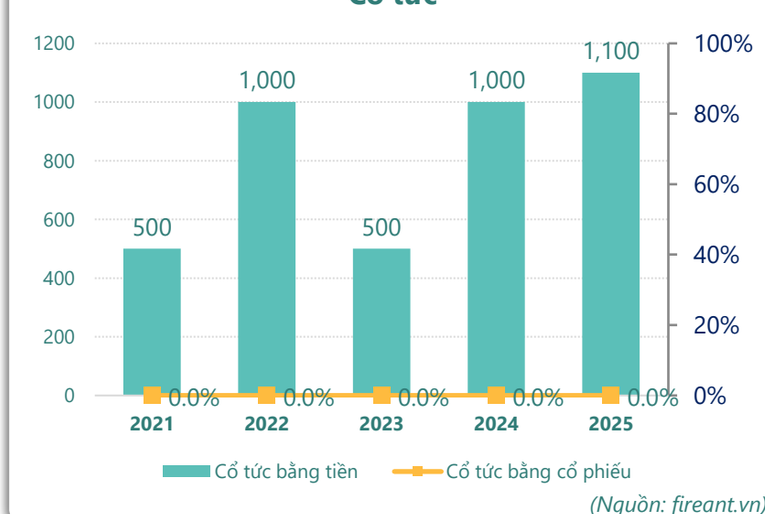
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

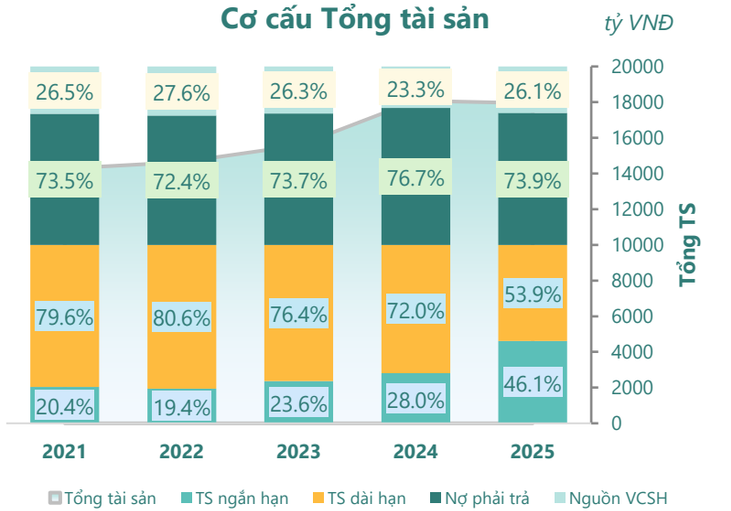
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

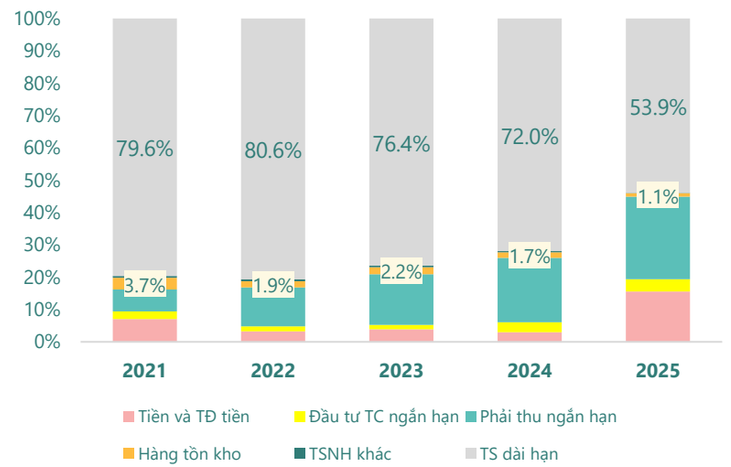
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



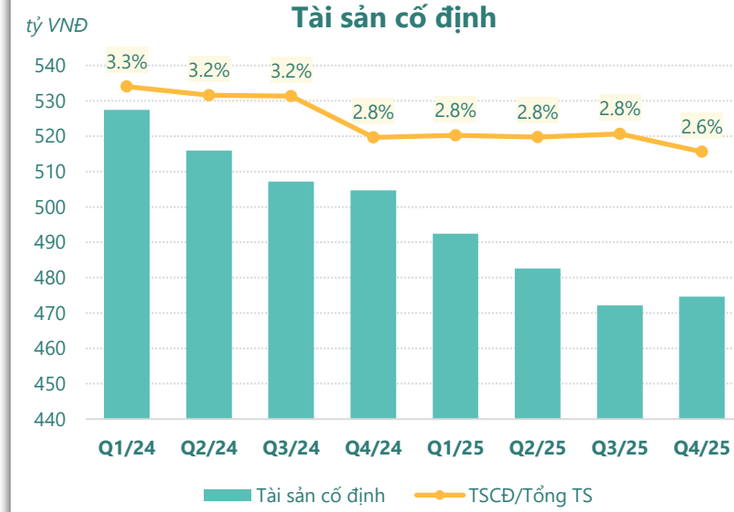
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



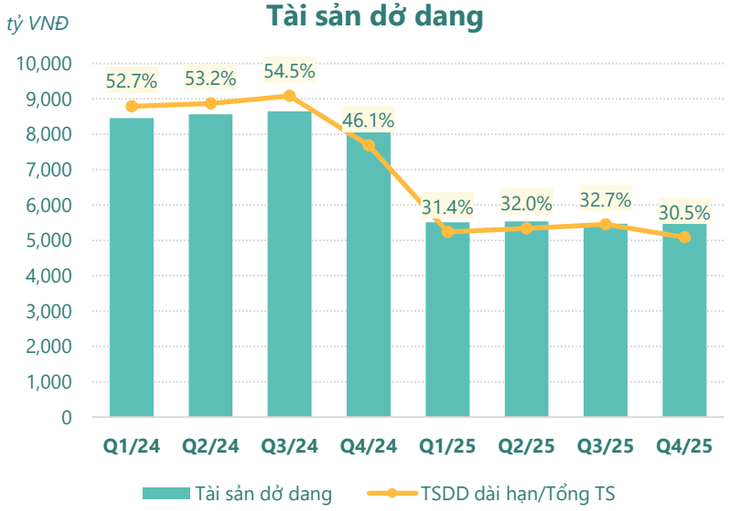
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



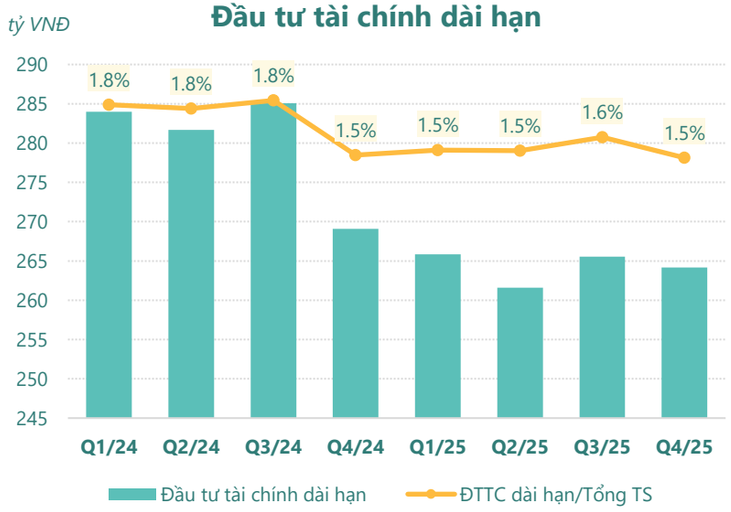
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



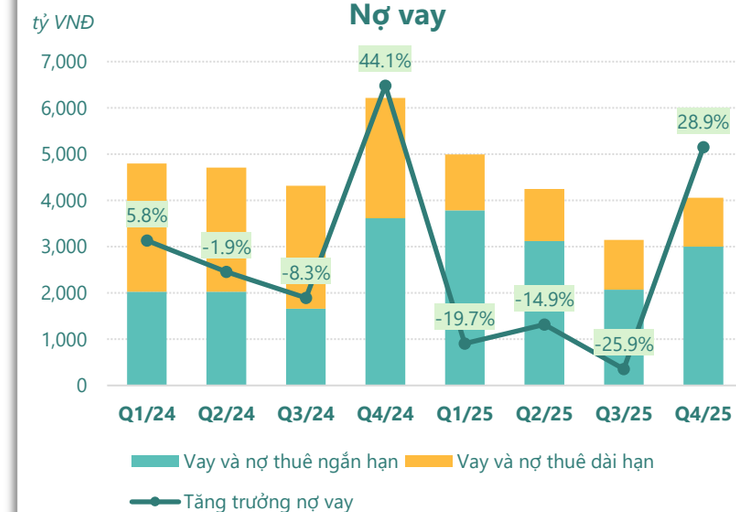
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

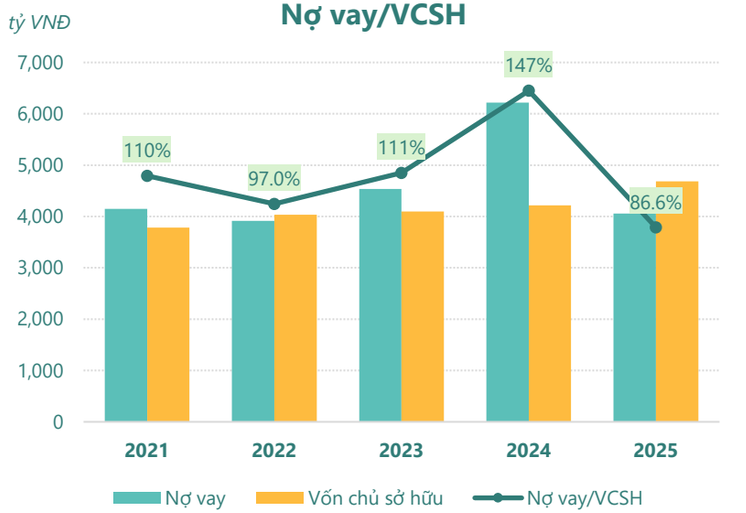
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

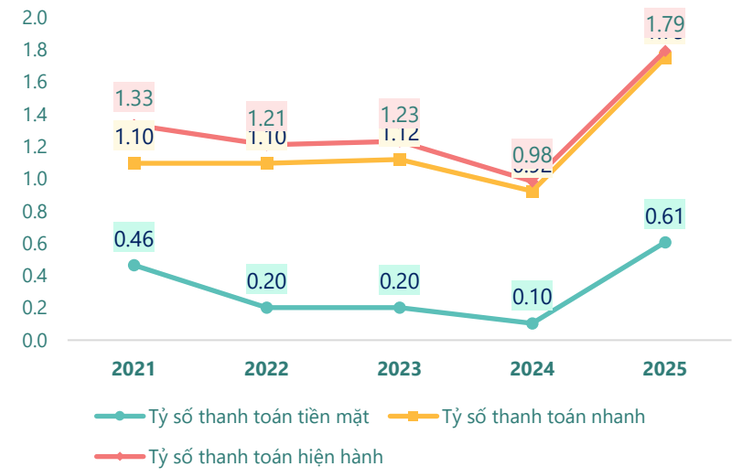
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



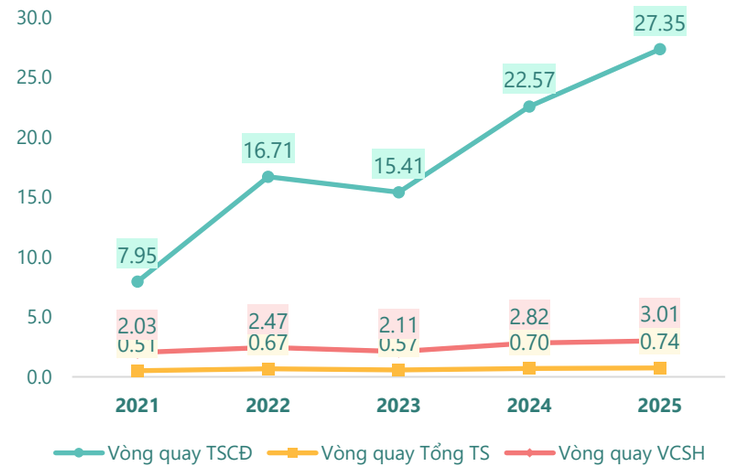
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



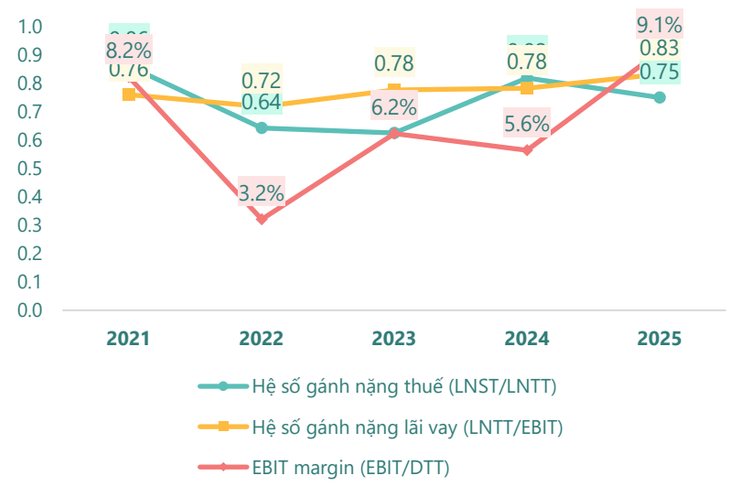
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



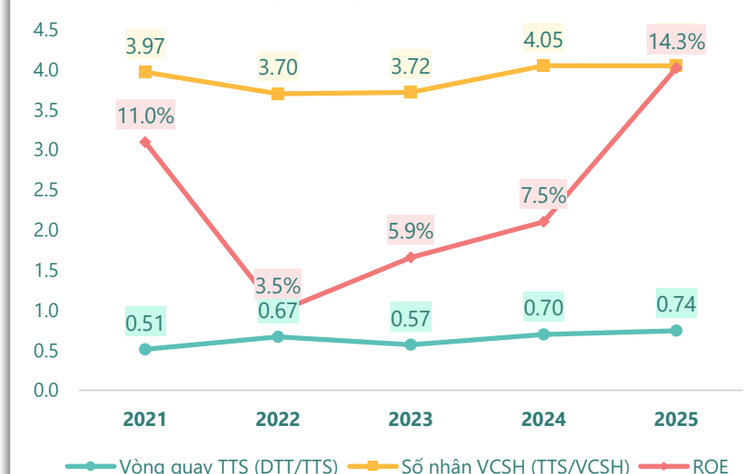
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



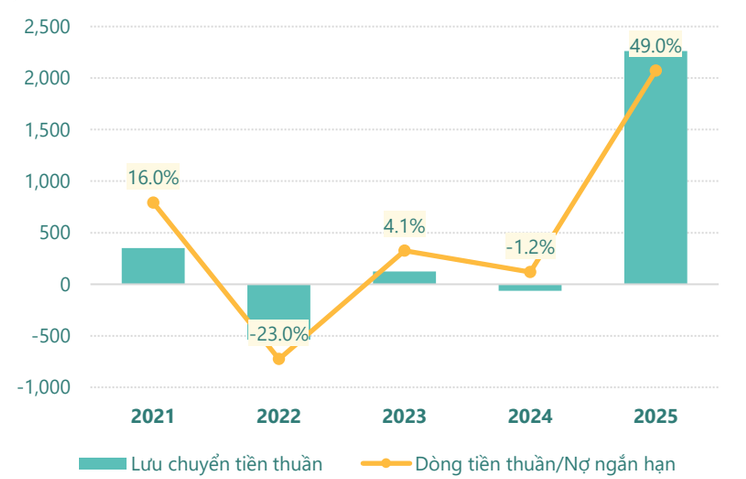
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,783**	**3,643**	**-23.6%**	**13,385**	**11,734**	**14.1%**
Giá vốn hàng bán	2,571	3,394	-24.2%	12,345	10,946	12.8%
Lợi nhuận gộp	212	249	-14.9%	1,040	788	31.9%
Doanh thu HĐTC	169	114	48.5%	899	272	230%
Chi phí TC	49.1	50.7	-3.2%	216	172	25.3%
Chi phí lãi vay	44.9	42.6	5.5%	205	144	42.6%
LN trong công ty LKLD	**9.99**	**-1.71**	**684%**	**16.1**	**2.34**	**590%**
Chi phí bán hàng	38.7	37.2	4.0%	151	137	10.4%
Chi phí QLDN	**105**	**66.8**	**57.6%**	**254**	**231**	**10.0%**
LN thuần từ HĐKD	198	207	-4.3%	1,334	523	155%
Lợi nhuận khác	**-173**	**19.3**	**-995%**	**-318**	**-4.18**	**-7489%**
LN trước thuế	25.4	226	-88.8%	1,016	518	96.0%
Lợi nhuận sau thuế	**1.80**	**203**	**-99.1%**	**762**	**425**	**79.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-29.4**	**147**	**-120%**	**636**	**310**	**105%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	399	-1,626	91.3	820	970	512
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-89.0	-155	180	341	-130	233
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-492	1,796	477	-760	-1,368	899
Tiền đầu kỳ	720	525	537	1,282	1,685	1,158
Lưu chuyển tiền thuần	**-182**	**15.2**	**748**	**400**	**-528**	**1,643**
Ảnh hưởng tỷ giá	-13.0	0.72	-1.87	2.06	1.78	-0.40
Tiền cuối kỳ	525	541	1,282	1,685	1,158	2,801

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**17,943**	**18,081**	**-0.8%**
Tài sản ngắn hạn	8,276	5,067	63.3%
Tiền và tương đương tiền	2,801	537	422%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	669	563	18.7%
Phải thu ngắn hạn	4,592	3,590	27.9%
Hàng tồn kho	189	312	-39.5%
Tài sản ngắn hạn khác	25.6	65.8	-61.2%
Tài sản dài hạn	**9,668**	**13,014**	**-25.7%**
Phải thu dài hạn	613	1,043	-41.2%
Tài sản cố định	475	504	-5.9%
Bất động sản đầu tư	2,017	2,058	-2.0%
Tài sản dở dang	5,473	8,333	-34.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	264	267	-0.9%
Tài sản dài hạn khác	**826**	**808**	**2.2%**
Lợi thế thương mại	0	0.49	-100%
Nợ phải trả	13,258	13,865	-4.4%
Nợ ngắn hạn	**4,617**	**5,150**	**-10.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,999	3,615	-17.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	185	182	1.8%
Nợ dài hạn	8,642	8,715	-0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,057	2,601	-59.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,685**	**4,217**	**11.1%**
Vốn chủ sở hữu	**4,685**	**4,217**	**11.1%**
Vốn điều lệ	2,000	2,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.08**	**0.08**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)